

GIAI LAN VO DICH TRE QUOC GIA NAM 2024 - 12/07/2025 to 15/07/2025**Results - Ngày thi đấu thứ nhất****Event 101 Boys 17 & Under 100 LC Meter VHCV, Vo dich tre**

KLLT: 36.59 # 5/2020		Anh Nguyen Duy		DNG	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Vu Sinh, Hung	15	Da Nang	40.00	38.15	
17.98	38.15 (20.17)				
2 Huynh Quoc, Bao	17	TP Ho Chi Minh	37.50	38.24	
18.83	38.24 (19.41)				
3 Chau Hi, Lac	17	TP Ho Chi Minh	38.00	38.65	
18.68	38.65 (19.97)				
4 Le Khuong, Duy	17	Thanh Hoa	36.02	38.66	
18.41	38.66 (20.25)				
5 Van Tien, Huy	17	Ha Noi	38.00	38.70	
17.65	38.70 (21.05)				
6 Vo Vi, Tuong	17	TT Tdtt Quoc Phong 5	37.00	39.31	
18.92	39.31 (20.39)				
7 Nguyen The, Duong	16	Dong Nai	38.00	39.37	
19.17	39.37 (20.20)				
8 Tran Duy, Bao	15	Hung Yên	NT	39.43	
18.08	39.43 (21.35)				
9 Nguyen Dinh, Hieu	15	Nghe An	39.00	40.45	
19.01	40.45 (21.44)				
10 Nguyen Tung, Lam	14	Ha Noi	38.50	40.57	
19.35	40.57 (21.22)				
11 Nguyen Hai, Nam	17	Quang Ninh	40.00	41.31	
20.74	41.31 (20.57)				
12 Cao Van, Manh	16	Thanh Hoa	39.19	42.05	
19.97	42.05 (22.08)				
13 Nguyen Thanh, Toan	14	Hai Phong	39.00	42.82	
20.52	42.82 (22.30)				
14 Le Huy, Vu	16	Nghe An	NT	42.88	
20.82	42.88 (22.06)				
15 Le Trung, Hieu	16	Phu Tho	43.00	44.74	
21.18	44.74 (23.56)				
16 Ngo Minh, Nhat	12	Cong An Nhan Dan	43.00	44.78	
22.01	44.78 (22.77)				
17 Hoang Dinh Gia, Bao	13	TT Tdtt Quoc Phong 5	38.00	45.73	
21.76	45.73 (23.97)				
18 Ha Van, Phong	17	Hung Yên	NT	46.10	
22.39	46.10 (23.71)				
19 Tran Hieu, Khanh	15	Phu Tho	NT	46.75	
22.31	46.75 (24.44)				
20 Phan Thanh, Huy	16	Da Nang	40.50	47.77	
22.56	47.77 (25.21)				
21 Ngo Quang, Hieu	17	Hai Phong	41.00	50.03	
24.36	50.03 (25.67)				
22 Nguyen Tri, Duc	13	Quang Ninh	48.00	50.11	
24.48	50.11 (25.63)				
--- Huynh Tuan, Kiet	16	TP Ho Chi Minh	NT	X40.11	
19.35	40.11 (20.76)				
--- Phan Le Thien, Thong	17	TP Ho Chi Minh	NT	X41.62	
19.69	41.62 (21.93)				
--- Cao Ngoc, Sang	15	Thanh Hoa	NT	X42.96	
20.49	42.96 (22.47)				
--- Ha Nhat, Minh	14	Nghe An	NT	X43.24	
20.73	43.24 (22.51)				

GIAI LAN VO DICH TRE QUOC GIA NAM 2024 - 12/07/2025 to 15/07/2025

Results - Ngày thi đấu thứ nhất

(Event 101 Boys 17 & Under 100 LC Meter VHCV, Vo dich tre)

Name		Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
---	Vu Hoang, Tung	14	TT Tdtt Quoc Phong 5	NT	X44.50	
	21.65	44.50 (22.85)				
---	Ngo Xuan Anh, Khoi	14	Nghe An	NT	X45.98	
	21.77	45.98 (24.21)				
---	Mai Nguyen Huu, Loc	15	Hai Phong	NT	X46.47	
	21.45	46.47 (25.02)				
---	Nguyen Anh, Tuan	14	Hai Phong	NT	X46.57	
	22.34	46.57 (24.23)				
---	Nguyen Xuan, Quyet	14	Hai Phong	NT	X47.51	
	22.62	47.51 (24.89)				
---	Lo Minh, Thanh	13	Thanh Hoa	NT	X49.39	
	23.01	49.39 (26.38)				
---	Pham Hong, Nam	12	Nghe An	NT	X50.40	
	23.83	50.40 (26.57)				
---	Do Van, Phong	12	Hai Phong	NT	X59.63	
	28.56	59.63 (31.07)				

Event 102 Boys 18 & Over 100 LC Meter VHCV

Name		Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Nguyen Thanh, Loc	30	TP Ho Chi Minh	35.50	36.26	
	17.44	36.26 (18.82)				
2	Nguyen Trung, Kien	36	Ha Noi	40.00	36.42	
3	Do Dinh, Toan	28	TP Ho Chi Minh	35.60	36.85	
	17.51	36.85 (19.34)				
4	Nguyen Huy, Anh	18	Ha Noi	36.50	37.13	
	17.84	37.13 (19.29)				
5	Nguyen Duy, Anh	22	Da Nang	35.70	37.31	
	17.19	37.31 (20.12)				
6	Truong Minh, Quan	21	TT Tdtt Quoc Phong 5	37.00	37.58	
	17.96	37.58 (19.62)				
7	Kim Anh, Kiet	21	TT Tdtt Quoc Phong 5	38.00	40.11	
	19.95	40.11 (20.16)				
8	Vu Hai, Nam	18	Hai Phong	37.50	41.15	
	20.14	41.15 (21.01)				
---	Dang Nguyen Long, Nhat	19	Da Nang	38.00	NS	

Event 103 Girls 17 & Under 100 LC Meter VHCV, Vo dich tre

Name		Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Le Thi, Nhung	16	Thanh Hoa	NT	42.50	
	20.71	42.50 (21.79)				
2	Luu Ngoc Minh, Trang	15	Ha Noi	42.50	42.64	
	20.10	42.64 (22.54)				
3	Dang Thi, Tam	14	Quang Ninh	42.01	43.47	
	20.93	43.47 (22.54)				
4	Tran Phuong, Minh	14	Ha Noi	42.80	43.57	
	20.36	43.57 (23.21)				
5	Nguyen Thi Hong, Nhung	16	TT Tdtt Quoc Phong 5	44.00	43.71	
	20.13	43.71 (23.58)				
6	Tran Thi Hoai, Thuong	17	Dong Nai	43.00	44.25	
	20.84	44.25 (23.41)				
7	Ha Phuong, Anh	16	Hai Phong	42.00	44.43	
	21.49	44.43 (22.94)				

GIAI LAN VO DICH TRE QUOC GIA NAM 2024 - 12/07/2025 to 15/07/2025

Results - Ngày thi đấu thứ nhất

(Event 103 Girls 17 & Under 100 LC Meter VHCV, Vo dich tre)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
8 Pham T Thuy, Suong	17	Quang Tri	43.00	44.67	
21.45	44.67 (23.22)				
9 Pham Nguyen Ly, Ly	13	Da Nang	48.00	46.05	
22.06	46.05 (23.99)				
10 Trinh Thi, Ngoc Anh	16	Hung Yen	43.50	46.07	
22.41	46.07 (23.66)				
11 Vu Yen, Nhi	15	Hai Phong	42.00	48.86	
23.40	48.86 (25.46)				
12 Ngo Thi Van, Anh	13	Cong An Nhan Dan	47.00	49.32	
23.88	49.32 (25.44)				
13 Hoang Nguyen Thao, Nhi	16	Da Nang	48.00	49.63	
23.78	49.63 (25.85)				
14 Tran T Thanh, Thuy	13	Quang Tri	49.00	49.99	
24.55	49.99 (25.44)				
15 Nguyen Thi Ha, Linh	13	Nghe An	50.00	50.70	
24.65	50.70 (26.05)				
16 Trieu Anh, Nguyet	13	Phu Tho	47.00	51.25	
24.83	51.25 (26.42)				
17 Trieu Thi, Uyen	15	Quang Ninh	42.00	52.48	
22.31	52.48 (30.17)				
18 Do Hong, Tui	16	Hung Yen	NT	58.17	
28.45	58.17 (29.72)				
--- Le Ngoc, Nuong	14	Thanh Hoa	NT	X46.03	
22.85	46.03 (23.18)				
--- Hoang Ha Binh, Minh	13	Quang Ninh	NT	X49.09	
23.55	49.09 (25.54)				
--- Nguyen Thanh, Thuy	16	Quang Ninh	NT	X50.24	
26.79	50.24 (23.45)				
--- Linh Thi, Hoa	14	Quang Ninh	NT	X50.26	
24.14	50.26 (26.12)				
--- Mac Le Hieu, Dan	13	Quang Ninh	NT	X50.80	
24.58	50.80 (26.22)				
--- Nguyen T Minh, Thu	13	Hai Phong	NT	X56.68	
--- Nguyen T Kim, Ngan	12	Hai Phong	NT	X1:00.38	
28.69	1:00.38 (31.69)				
--- Pham Thanh, Diem	13	Hung Yen	NT	X1:01.29	
29.01	1:01.29 (32.28)				
--- Tran Bao, An	15	TP Ho Chi Minh	43.00	NS	
--- Pham Thanh, Truc	15	TP Ho Chi Minh	43.50	NS	

Event 104 Girls 18 & Over 100 LC Meter VHCV

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Tran T Huyen, Trang	25	Ha Noi	40.50	41.86	
19.92	41.86 (21.94)				
2 Nguyen Thi, Hang	23	Da Nang	40.00	42.21	
20.67	42.21 (21.54)				
3 Dang Thi, Vuong	19	Ha Noi	41.00	42.98	
20.32	42.98 (22.66)				
4 Nguyen Nhat Le, Nguyen	20	Da Nang	41.00	43.06	
20.93	43.06 (22.13)				
5 Pham Thi, Thu	23	Hai Phong	40.00	43.17	
20.40	43.17 (22.77)				
6 Nguyen Kieu, Oanh	18	Phu Tho	NT	45.36	

GIAI LAN VO DICH TRE QUOC GIA NAM 2024 - 12/07/2025 to 15/07/2025

Results - Ngày thi đấu thứ nhất

(Event 104 Girls 18 & Over 100 LC Meter VHCV)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
--- Nguyen Thi Lan, Vy	28	Da Nang	NT	X43.35	
21.21	43.35 (22.14)				
--- Nguyen Hoai, Thuong	23	Da Nang	NT	X53.92	
25.36	53.92 (28.56)				

Event 105 Boys 17 & Under 100 LC Meter CVD, Vo dich tre

KLLT: 44.88 # 10/07/2019 Bac Vu Van			PTO		
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Le Van, Chieu	16	Da Nang	48.00	45.35	
21.16	45.35 (24.19)				
2 Nguyen Thanh, Tung	17	TT Tdtt Quoc Phong 5	43.00	46.03	
21.80	46.03 (24.23)				
3 Nguyen Manh, Phuc	17	TT Tdtt Quoc Phong 5	44.00	46.33	
21.89	46.33 (24.44)				
4 Vu Ngoc, Diep	17	Hai Phong	44.00	46.38	
22.09	46.38 (24.29)				
5 Nguyen Nam, Khanh	17	Hai Phong	NT	46.49	
22.22	46.49 (24.27)				
6 Nguyen Duc, Tien	17	Hai Phong 2	44.00	47.15	
21.99	47.15 (25.16)				
7 Pham Thanh, Nam	16	Dong Nai	46.20	47.17	
22.45	47.17 (24.72)				
8 Le Nguyen Trung, Nghia	17	Da Nang	47.70	47.42	
22.62	47.42 (24.80)				
9 Doan Nguyen Trong, Nhan	16	Tay Ninh	43.00	47.54	
22.93	47.54 (24.61)				
10 Do Anh, Dung	17	Dong Nai	45.50	48.43	
22.81	48.43 (25.62)				
11 Tran Duong Thien, Huy	15	Dong Thap	45.00	48.57	
22.75	48.57 (25.82)				
12 Trinh Tien, Dat	15	Phu Tho	47.00	49.07	
24.48	49.07 (24.59)				
13 Tran Nhat, Hao	16	Tay Ninh	45.00	49.29	
22.55	49.29 (26.74)				
14 Tran Duy, Khanh	13	Hung Yen	NT	49.67	
23.97	49.67 (25.70)				
15 Pham Duc, Thanh	17	Hai Phong 2	45.00	49.94	
23.78	49.94 (26.16)				
16 Dinh Tri, Toan	16	Ha Noi	49.00	50.10	
23.48	50.10 (26.62)				
17 Tran Hoang, Anh	13	Quang Tri	51.00	51.01	
24.44	51.01 (26.57)				
18 Pham Chau Hoang, Hai	13	Quang Tri	54.00	53.61	
25.46	53.61 (28.15)				
19 Tran Quang, Vinh	14	Ha Noi	50.00	54.10	
25.47	54.10 (28.63)				
20 Phung Quang, Khai	14	Phu Tho	50.00	54.58	
25.43	54.58 (29.15)				
21 Le Xuan, Loc	14	Hung Yen	NT	54.66	
25.97	54.66 (28.69)				
22 Pham Hong, Nam	12	Nghe An	NT	56.79	
27.20	56.79 (29.59)				
23 Le Nam, Sang	12	Thanh Hoa	NT	56.82	
26.18	56.82 (30.64)				

GIAI LAN VO DICH TRE QUOC GIA NAM 2024 - 12/07/2025 to 15/07/2025

Results - Ngày thi đấu thứ nhất

(Event 105 Boys 17 & Under 100 LC Meter CVD, Vo dich tre)

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
24	Phan Le Thien, Thong	17	TP Ho Chi Minh	NT	1:00.70	
	29.73	1:00.70 (30.97)				
25	Duong Chan, Phong	12	Nghe An	NT	1:06.54	
---	Nguyen Thanh, Toan	14	Hai Phong	47.00	X52.38	
	25.53	52.38 (26.85)				
---	Hoang Dinh Gia, Bao	13	TT Tdtt Quoc Phong 5	NT	X52.46	
	25.58	52.46 (26.88)				
---	Nguyen Xuan, Quyet	14	Hai Phong	NT	X52.68	
	25.23	52.68 (27.45)				
---	Vu Hoang, Tung	14	TT Tdtt Quoc Phong 5	NT	X53.50	
	26.24	53.50 (27.26)				
---	Mai Nguyen Huu, Loc	15	Hai Phong	NT	X53.91	
	25.61	53.91 (28.30)				
---	Tran Hieu, Khanh	15	Phu Tho	NT	X56.63	
	27.96	56.63 (28.67)				
---	Nguyen Khac Tung, Lam	12	Nghe An	NT	X1:05.91	
	30.45	1:05.91 (35.46)				

Event 106 Boys 18 & Over 100 LC Meter CVD

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Vu Dang Nhat, Nam	21	Dong Nai	42.80	43.96	
	21.71	43.96 (22.25)				
2	Vo Dinh, Phi	20	Hai Phong	39.00	44.94	
	22.15	44.94 (22.79)				
3	Nguyen Le Truyen, Dat	19	Dong Nai	43.00	45.05	
	22.11	45.05 (22.94)				
4	Dang Gia, Huan	19	TP Ho Chi Minh	45.90	46.54	
	22.55	46.54 (23.99)				
5	Do Thanh, Thao	22	TT Tdtt Quoc Phong 5	43.00	46.57	
	22.54	46.57 (24.03)				
6	Le Nhat, Quang	18	Hai Phong 2	44.00	48.64	
	23.44	48.64 (25.20)				
7	Ngo Minh, Chien	18	Quang Tri	47.00	48.96	
	23.89	48.96 (25.07)				
8	Dang Trong, Minh	19	Thanh Hoa	NT	51.33	
	24.55	51.33 (26.78)				
9	Mai Xuan, Anh	20	TT Tdtt Quoc Phong 5	44.00	53.10	
	25.80	53.10 (27.30)				
---	Nguyen Thanh, Chanh	19	Dong Nai	NT	X46.44	
	21.96	46.44 (24.48)				
---	Le Trung, Hieu	21	Hai Phong	NT	X50.31	
	23.85	50.31 (26.46)				

Event 107 Girls 17 & Under 100 LC Meter CVD, Vo dich tre

KLLT: 49.81 # 10/07/2018		Thu Pham Thi		HDG		
	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Le Thi Thanh, Tuyen	16	Dong Nai	50.50	50.79	
	24.62	50.79 (26.17)				
2	Do Nguyen Thuy, Linh	16	Cong An Nhan Dan	50.50	50.90	
	25.27	50.90 (25.63)				
3	Pham Thanh, Truc	15	TP Ho Chi Minh	52.00	52.02	
	24.95	52.02 (27.07)				
4	Nguyen Thanh, Tra	16	Phu Tho	51.10	52.07	
	25.43	52.07 (26.64)				

GIAI LAN VO DICH TRE QUOC GIA NAM 2024 - 12/07/2025 to 15/07/2025

Results - Ngày thi đấu thứ nhất

(Event 107 Girls 17 & Under 100 LC Meter CVD, Vo dich tre)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
5 Nguyen Thi Minh, Ha	16	TT Tdtt Quoc Phong 5	52.00	53.02	
25.87	53.02 (27.15)				
6 Hoang Nguyen Thao, Nhi	16	Da Nang	55.00	53.47	
29.83	53.47 (23.64)				
7 Dang Thi, Nhung	14	Quang Ninh	54.32	53.98	
26.29	53.98 (27.69)				
8 Tran Pham Tu, Minh	16	Dong Nai	51.30	54.13	
25.97	54.13 (28.16)				
9 Pham Chau Hai, Anh	14	Cong An Nhan Dan	53.70	54.30	
26.31	54.30 (27.99)				
10 Cao Vu Ha, Vy	15	Tay Ninh	54.00	54.35	
25.81	54.35 (28.54)				
11 Hoang Thi, Kieu Mai	16	Hai Phong	57.00	54.55	
25.94	54.55 (28.61)				
12 Ho Kha, Han	6	Tay Ninh	54.00	54.85	
26.23	54.85 (28.62)				
13 Thai T Kim, Tien	13	Quang Tri	54.00	54.98	
26.02	54.98 (28.96)				
14 Trinh Tran Khanh, Linh	11	Ha Noi	53.00	56.99	
27.03	56.99 (29.96)				
15 Linh Thi, Hoa	14	Quang Ninh	54.33	57.87	
27.61	57.87 (30.26)				
16 Trieu Anh, Nguyet	13	Phu Tho	54.00	58.46	
28.51	58.46 (29.95)				
17 Vu Yen, Nhi	15	Hai Phong	54.00	58.61	
28.48	58.61 (30.13)				
18 Phi Phuong, Thao	14	Ha Noi	51.60	1:00.83	
28.38	1:00.83 (32.45)				
19 Hoang Thi Uyen, Trang	12	Nghe An	NT	1:08.89	
31.66	1:08.89 (37.23)				
20 Pham Thi, Ngoc Anh	13	Hung Yên	NT	1:12.33	
34.22	1:12.33 (38.11)				
--- Nguyen T Minh, Thu	13	Hai Phong	NT	X1:02.82	
30.83	1:02.82 (31.99)				
--- Mai Dao T, Thanh Thao	10	Hai Phong	NT	X1:04.80	
30.42	1:04.80 (34.38)				
--- Lai Quynh, Anh	10	Hai Phong	NT	X1:07.57	
32.21	1:07.57 (35.36)				
--- Nguyen T Kim, Ngan	12	Hai Phong	NT	X1:10.51	
33.53	1:10.51 (36.98)				

Event 108 Girls 18 & Over 100 LC Meter CVD

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Le Thi, Thanh Van	21	Hai Phong	48.00	49.56	
24.08	49.56 (25.48)				
2 Pham Thi, Thu	23	Hai Phong	48.50	50.58	
24.27	50.58 (26.31)				
3 Thach Thi Diem, My	18	Dong Nai	50.80	51.03	
25.10	51.03 (25.93)				
4 Do Thi Tuyet, Mai	18	Hai Phong 2	50.50	52.53	
25.38	52.53 (27.15)				
5 Tran Thi Hong, Gam	20	Tay Ninh	52.00	54.15	
26.42	54.15 (27.73)				

GIAI LAN VO DICH TRE QUOC GIA NAM 2024 - 12/07/2025 to 15/07/2025

Results - Ngày thi đấu thứ nhất

(Event 108 Girls 18 & Over 100 LC Meter CVD)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
6 Le Thu, Thuy	18	Dong Nai	51.00	55.49	
26.38	55.49 (29.11)				
--- Ta Hoang Minh, Anh	24	TP Ho Chi Minh	51.00	NS	

Event 109 Girls 17 & Under 100 LC Meter Khi tai, Vo dich tre

KLLT: 39.45 # 10/07/2018 Phuc Truong Hong			HCM		
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Tran Bao, An	15	TP Ho Chi Minh	38.80	40.08	
19.12	40.08 (20.96)				
2 Ha Hoang Nhu, Y	14	TP Ho Chi Minh	41.00	41.29	
20.53	41.29 (20.76)				
3 Do Hong, Tui	16	Hung Yen	40.00	41.59	
20.65	41.59 (20.94)				
4 Ha Phuong, Anh	16	Hai Phong	40.00	42.61	
21.26	42.61 (21.35)				
5 Nguyen Thi Hong, Nhung	16	TT Tdtt Quoc Phong 5	38.00	42.88	
21.49	42.88 (21.39)				
6 Trinh Cam, Ly	15	TT Tdtt Quoc Phong 5	38.00	43.34	
20.83	43.34 (22.51)				
7 Phi T Tuong, Vi	15	Ha Noi	39.00	46.25	
23.17	46.25 (23.08)				

Event 110 Girls 18 & Over 100 LC Meter Khi tai

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
*1 Nguyen Thi Lan, Vy	28	Da Nang	39.00	39.52	
19.38	39.52 (20.14)				
*1 Tran T Huyen, Trang	25	Ha Noi	37.00	39.52	
19.17	39.52 (20.35)				
3 Nguyen Thi, Hang	23	Da Nang	37.00	39.62	
20.04	39.62 (19.58)				
4 Thach T Thao, Suong	20	TT Tdtt Quoc Phong 5	38.00	40.11	
19.47	40.11 (20.64)				
5 Dang Thi, Vuong	19	Ha Noi	39.80	42.97	
21.26	42.97 (21.71)				
6 Pham Thi, Thu	23	Hai Phong	38.00	42.98	
20.62	42.98 (22.36)				
7 Nguyen Thi Thuy, Dung	19	Quang Ninh	41.50	43.32	
22.07	43.32 (21.25)				

Event 111 Boys 17 & Under 400 LC Meter VHCV, Vo dich tre

KLLT: 3:08.06 # 5/2025 Hunh Quoc Bao			TP HCM		
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Huynh Quoc, Bao	17	TP Ho Chi Minh	3:04.00	3:08.02 #	
22.08	45.10 (23.02)	1:07.79 (22.69)	1:30.40 (22.61)		
1:53.44 (23.04)	2:17.18 (23.74)	2:42.36 (25.18)	3:08.02 (25.66)		
2 Ngo Quang, Hieu	17	Hai Phong	3:50.00	3:14.49	
22.27	45.89 (23.62)	1:09.92 (24.03)	1:34.11 (24.19)		
1:58.75 (24.64)	2:23.96 (25.21)	2:49.75 (25.79)	3:14.49 (24.74)		
3 Nguyen Van, Tai	17	Da Nang	3:20.00	3:16.48	
23.40	48.41 (25.01)	1:12.36 (23.95)	1:37.62 (25.26)		
2:02.27 (24.65)	2:27.83 (25.56)	2:52.40 (24.57)	3:16.48 (24.08)		
4 Ho Quoc, Khanh	17	Nghe An	3:09.00	3:20.87	
21.65	45.86 (24.21)	1:10.86 (25.00)	1:36.72 (25.86)		
2:02.90 (26.18)	2:29.24 (26.34)	2:55.67 (26.43)	3:20.87 (25.20)		

GIAI LAN VO DICH TRE QUOC GIA NAM 2024 - 12/07/2025 to 15/07/2025**Results - Ngày thi đấu thứ nhất****(Event 111 Boys 17 & Under 400 LC Meter VHCV, Vo dich tre)**

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
5	Huynh Nguyen Le, Danh	14	TP Ho Chi Minh	3:18.00	3:21.03	
	23.82	48.44 (24.62)	1:13.40 (24.96)	1:38.67 (25.27)		
	2:04.81 (26.14)	2:30.76 (25.95)	2:56.50 (25.74)	3:21.03 (24.53)		
6	Nguyen The, Duong	16	Dong Nai	3:22.00	3:23.46	
	22.73	48.25 (25.52)	1:14.02 (25.77)	1:40.80 (26.78)		
	2:07.65 (26.85)	2:33.77 (26.12)	2:59.56 (25.79)	3:23.46 (23.90)		
7	Nguyen Tung, Lam	14	Ha Noi	3:20.00	3:27.14	
	23.61	49.90 (26.29)	1:16.13 (26.23)	1:42.62 (26.49)		
	2:09.13 (26.51)	2:35.96 (26.83)	3:01.95 (25.99)	3:27.14 (25.19)		
8	Nguyen Hai, Nam	17	Quang Ninh	3:13.00	3:29.33	
	23.84	49.82 (25.98)	1:14.72 (24.90)	1:41.63 (26.91)		
	2:08.32 (26.69)	2:36.17 (27.85)	3:02.93 (26.76)	3:29.33 (26.40)		
9	Nguyen Ngoc, Tien	16	Da Nang	NT	3:31.58	
	23.03	47.82 (24.79)	1:13.80 (25.98)			
	2:07.76 ()		3:03.77 ()	3:31.58 (27.81)		
10	Le Vu Duy, Chien	14	Ha Noi	3:25.00	3:31.84	
	24.28	50.46 (26.18)	1:16.16 (25.70)	1:43.54 (27.38)		
	2:09.24 (25.70)	2:36.32 (27.08)	3:03.84 (27.52)	3:31.84 (28.00)		
11	Nguyen Thanh, Toan	14	Hai Phong	3:30.00	3:33.77	
	24.46	50.50 (26.04)	1:17.10 (26.60)	1:44.90 (27.80)		
	2:12.72 (27.82)	2:40.35 (27.63)	3:06.80 (26.45)	3:33.77 (26.97)		
12	Le Trung, Hieu	16	Phu Tho	3:45.00	3:38.87	
	24.26	51.48 (27.22)	1:19.20 (27.72)	1:47.17 (27.97)		
	2:14.87 (27.70)	2:43.28 (28.41)	3:11.67 (28.39)	3:38.87 (27.20)		
13	Ngo Minh, Nhat	12	Cong An Nhan Dan	3:35.00	3:39.88	
	24.18	51.34 (27.16)	1:19.42 (28.08)	1:48.92 (29.50)		
	2:17.58 (28.66)	2:45.78 (28.20)	3:14.41 (28.63)	3:39.88 (25.47)		
14	Hoang Dinh Gia, Bao	13	TT Tdtt Quoc Phong 5	3:37.00	3:47.59	
	25.59	53.80 (28.21)	1:22.86 (29.06)	1:51.83 (28.97)		
	2:20.93 (29.10)	2:50.15 (29.22)	3:19.60 (29.45)	3:47.59 (27.99)		
15	Ha Nhat, Minh	14	Nghe An	NT	4:00.44	
	24.46	52.43 (27.97)	1:23.07 (30.64)	1:54.27 (31.20)		
	2:26.02 (31.75)	2:58.21 (32.19)	3:30.17 (31.96)	4:00.44 (30.27)		
16	Pham Minh, Toan	15	TT Tdtt Quoc Phong 5	3:25.00	4:05.46	
	25.55	54.93 (29.38)	1:26.41 (31.48)	1:58.18 (31.77)		
	2:30.06 (31.88)	3:01.76 (31.70)	3:34.01 (32.25)	4:05.46 (31.45)		
---	Pham Quoc, Viet	15	Nghe An	NT	X3:27.48	
	22.03	47.04 (25.01)	1:13.82 (26.78)	1:40.32 (26.50)		
	2:07.73 (27.41)	2:35.10 (27.37)	3:02.08 (26.98)	3:27.48 (25.40)		
---	Do Hoang Trung, Hieu	16	Ha Noi	NT	X3:33.27	
	23.21	49.60 (26.39)	1:16.14 (26.54)	1:43.41 (27.27)		
	2:11.35 (27.94)	2:39.18 (27.83)	3:07.02 (27.84)	3:33.27 (26.25)		
---	Mai Nguyen Huu, Loc	15	Hai Phong	NT	X3:42.91	
	24.85	52.77 (27.92)	1:21.74 (28.97)	1:51.17 (29.43)		
	2:20.23 (29.06)	2:49.22 (28.99)	3:17.22 (28.00)	3:42.91 (25.69)		
---	Nguyen Anh, Tuan	14	Hai Phong	NT	X3:43.25	
	25.25	52.84 (27.59)	1:21.97 (29.13)	1:51.33 (29.36)		
	2:19.72 (28.39)	2:47.45 (27.73)	3:15.52 (28.07)	3:43.25 (27.73)		
---	Nguyen Xuan, Quyet	14	Hai Phong	NT	X3:54.37	
	25.69	54.32 (28.63)	1:24.48 (30.16)	1:54.97 (30.49)		
	2:25.84 (30.87)	2:56.68 (30.84)	3:26.36 (29.68)	3:54.37 (28.01)		
---	Ngo Xuan Anh, Khoi	14	Nghe An	NT	X3:56.47	
	23.58	53.34 (29.76)	1:24.23 (30.89)	1:55.96 (31.73)		
	2:26.35 (30.39)	2:57.80 (31.45)	3:27.82 (30.02)	3:56.47 (28.65)		

GIAI LAN VO DICH TRE QUOC GIA NAM 2024 - 12/07/2025 to 15/07/2025

Results - Ngay thi dau thu nhat

(Event 111 Boys 17 & Under 400 LC Meter VHCV, Vo dich tre)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
--- Do Van, Phong	12	Hai Phong	NT	X4:44.58	
30.61	1:06.37 (35.76)	1:43.33 (36.96)	2:21.13 (37.80)		
2:58.15 (37.02)	3:34.44 (36.29)	4:09.61 (35.17)	4:44.58 (34.97)		
--- Nguyen Tri, Duc	13	Quang Ninh	3:50.01	DQ	
Swam under water more than 15 meters after start or turn					
26.85	57.27 (30.42)	1:28.72 (31.45)	2:01.12 (32.40)		
2:33.45 (32.33)	3:05.03 (31.58)	3:36.92 (31.89)	DQ (29.09)		

Event 112 Boys 18 & Over 400 LC Meter VHCV

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Nguyen Trong, Dung	22	Nghe An	3:02.00	3:02.78	
22.25	45.89 (23.64)	1:09.32 (23.43)	1:32.80 (23.48)		
1:55.86 (23.06)	2:18.84 (22.98)	2:41.37 (22.53)	3:02.78 (21.41)		
2 Luu Nguyen Duc, Tam	28	TP Ho Chi Minh	3:03.00	3:06.15	
22.37	45.92 (23.55)	1:09.36 (23.44)	1:33.08 (23.72)		
1:56.39 (23.31)	2:19.54 (23.15)	2:42.75 (23.21)	3:06.15 (23.40)		
3 Dang Phu, Quoc	19	Ha Noi	3:08.00	3:10.93	
21.18	44.77 (23.59)	1:08.76 (23.99)	1:33.15 (24.39)		
1:57.35 (24.20)	2:21.81 (24.46)	2:46.46 (24.65)	3:10.93 (24.47)		
4 Kim Anh, Kiet	21	TT Tdtt Quoc Phong 5	3:10.00	3:13.09	
24.01	48.04 (24.03)	1:12.08 (24.04)	1:36.46 (24.38)		
2:01.09 (24.63)	2:26.20 (25.11)	2:49.88 (23.68)	3:13.09 (23.21)		
5 Pham Le Minh, Phuc	21	TP Ho Chi Minh	3:10.00	3:18.78	
22.99	46.85 (23.86)	1:11.35 (24.50)	1:36.16 (24.81)		
2:01.62 (25.46)	2:27.55 (25.93)	2:53.51 (25.96)	3:18.78 (25.27)		
6 Mai Xuan, Anh	20	TT Tdtt Quoc Phong 5	3:17.00	3:47.24	
27.25	55.12 (27.87)	1:24.22 (29.10)	1:53.49 (29.27)		
2:22.20 (28.71)	2:51.07 (28.87)	3:19.85 (28.78)	3:47.24 (27.39)		
--- Vo Van, Vuong	19	Da Nang	3:15.00	DNF	
Swimmer did not finish					

Event 113 Girls 17 & Under 400 LC Meter VHCV, Vo dich tre

KLLT: 3:24.41 # 11/07/2023 San San Nguyen Tran			HNI		
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Nguyen Thi Thanh, Thi	16	Quang Ninh	3:20.00	3:28.78	
23.27	48.28 (25.01)	1:14.21 (25.93)	1:40.96 (26.75)		
2:07.68 (26.72)	2:35.18 (27.50)	3:02.97 (27.79)	3:28.78 (25.81)		
2 Ho Ngoc Tuong, Lam	15	TP Ho Chi Minh	3:30.00	3:34.29	
24.16	49.85 (25.69)	1:16.29 (26.44)	1:43.71 (27.42)		
2:11.35 (27.64)	2:39.38 (28.03)	3:07.61 (28.23)	3:34.29 (26.68)		
3 Tran T Yen, Trang	15	Quang Tri	3:42.00	3:34.46	
24.10	51.03 (26.93)	1:18.47 (27.44)	1:46.62 (28.15)		
2:14.61 (27.99)	2:42.23 (27.62)	3:09.67 (27.44)	3:34.46 (24.79)		
4 Tran Thi Hoai, Thuong	17	Dong Nai	3:32.00	3:41.11	
24.39	50.96 (26.57)	1:18.44 (27.48)	1:46.64 (28.20)		
2:15.25 (28.61)	2:44.25 (29.00)	3:13.10 (28.85)	3:41.11 (28.01)		
5 Hoang Nguyen Thao, Nhi	16	Da Nang	3:52.00	3:41.62	
25.75	54.66 (28.91)	1:24.51 (29.85)	1:55.05 (30.54)		
2:26.06 (31.01)	2:57.27 (31.21)	3:28.73 (31.46)	3:41.62 (12.89)		
6 Ha Hoang Nhu, Y	14	TP Ho Chi Minh	3:40.00	3:42.68	
25.84	53.78 (27.94)	1:22.08 (28.30)	1:50.81 (28.73)		
2:19.31 (28.50)	2:48.09 (28.78)	3:15.85 (27.76)	3:42.68 (26.83)		

GIAI LAN VO DICH TRE QUOC GIA NAM 2024 - 12/07/2025 to 15/07/2025**Results - Ngày thi đấu thứ nhất****(Event 113 Girls 17 & Under 400 LC Meter VHCV, Vo dich tre)**

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
7	Nguyen T Hang, Nga	13	Quang Tri	3:45.00	3:44.15	
	24.88	51.92 (27.04)	1:19.92 (28.00)	1:49.08 (29.16)		
	2:18.52 (29.44)	2:48.04 (29.52)	3:16.72 (28.68)	3:44.15 (27.43)		
8	Pham Nguyen Ly, Ly	13	Da Nang	3:49.00	3:44.75	
	24.75	51.58 (26.83)	1:20.39 (28.81)	1:49.57 (29.18)		
	2:19.10 (29.53)	2:48.74 (29.64)	3:17.96 (29.22)	3:44.75 (26.79)		
9	Ngo Thi Van, Anh	13	Cong An Nhan Dan	3:48.00	3:48.65	
	26.02	54.66 (28.64)	1:23.55 (28.89)	1:53.08 (29.53)		
	2:22.01 (28.93)	2:51.71 (29.70)	3:21.00 (29.29)	3:48.65 (27.65)		
10	Nguyen Hieu, Nhung	16	Nghe An	3:55.00	3:51.54	
	26.75	54.76 (28.01)	1:23.59 (28.83)	1:53.62 (30.03)		
	2:23.39 (29.77)	2:53.88 (30.49)	3:23.85 (29.97)	3:51.54 (27.69)		
11	Nguyen Kieu, Oanh sai	5	Phu Tho	3:34.00	4:03.00	
	26.07	55.50 (29.43)	1:26.20 (30.70)	1:58.00 (31.80)		
	2:29.79 (31.79)	3:01.38 (31.59)	3:32.95 (31.57)	4:03.00 (30.05)		
12	Trinh Thi, Ngoc Anh	16	Hung Yên	3:36.00	4:06.57	
	29.60	1:01.54 (31.94)	1:33.23 (31.69)	2:04.33 (31.10)		
	2:35.03 (30.70)	3:06.48 (31.45)	3:37.02 (30.54)	4:06.57 (29.55)		
13	Vu Yen, Nhi	15	Hai Phong	3:40.00	4:06.63	
	27.66	59.33 (31.67)	1:31.04 (31.71)	2:02.94 (31.90)		
	2:35.21 (32.27)	3:07.32 (32.11)	3:38.70 (31.38)	4:06.63 (27.93)		
14	Trieu Anh, Nguyet	13	Phu Tho	3:55.00	4:09.08	
	27.99	58.96 (30.97)	1:30.43 (31.47)	2:02.43 (32.00)		
	2:35.23 (32.80)	3:07.92 (32.69)	3:40.07 (32.15)	4:09.08 (29.01)		
15	Luu Ngoc Minh, Trang	15	Ha Noi	3:30.00	4:10.44	
	26.72	56.34 (29.62)	1:27.51 (31.17)	1:59.55 (32.04)		
	2:32.27 (32.72)	3:04.87 (32.60)	3:38.39 (33.52)	4:10.44 (32.05)		
16	Phi Phuong, Thao	14	Ha Noi	3:35.00	4:13.09	
	26.95	58.31 (31.36)	1:30.16 (31.85)	1:49.21 (19.05)		
	2:35.89 (46.68)	3:09.31 (33.42)	3:41.66 (32.35)	4:13.09 (31.43)		
17	Trinh Cam, Ly	15	TT Tdtt Quoc Phong 5	3:30.00	4:26.85	
	30.82	1:02.20 (31.38)	1:35.56 (33.36)	2:09.18 (33.62)		
	2:43.56 (34.38)	3:18.20 (34.64)	3:53.07 (34.87)	4:26.85 (33.78)		
18	Nguyen Thi Hong, Nhung	16	TT Tdtt Quoc Phong 5	3:30.00	4:30.09	
	29.54	1:02.38 (32.84)	1:36.33 (33.95)	2:10.48 (34.15)		
	2:45.40 (34.92)	3:20.40 (35.00)	3:55.38 (34.98)	4:30.09 (34.71)		
---	Hoang Ha Binh, Minh	13	Quang Ninh	NT	X3:50.74	
	25.79	53.69 (27.90)	1:22.91 (29.22)	1:52.95 (30.04)		
	2:23.05 (30.10)	2:53.44 (30.39)	3:23.29 (29.85)	3:50.74 (27.45)		
---	Dang Thi Quynh, Nhu	14	Quang Ninh	NT	X3:52.26	
	26.56	54.82 (28.26)	1:23.98 (29.16)	1:53.58 (29.60)		
	2:23.30 (29.72)	2:53.22 (29.92)	3:23.94 (30.72)	3:52.26 (28.32)		
---	Mac Le Hieu, Dan	13	Quang Ninh	NT	X3:53.93	
	26.22	53.95 (27.73)	1:24.12 (30.17)	1:54.45 (30.33)		
	2:24.69 (30.24)	2:54.54 (29.85)	3:24.88 (30.34)	3:53.93 (29.05)		
---	Linh Thi, Hoa	14	Quang Ninh	NT	X4:06.66	
	26.98	55.43 (28.45)	1:25.84 (30.41)	1:57.55 (31.71)		
	2:28.95 (31.40)	3:00.29 (31.34)	3:33.16 (32.87)	4:06.66 (33.50)		
---	Nguyen T Minh, Thu	13	Hai Phong	NT	X4:26.54	
	1:35.85	1:02.00 ()		2:11.15 ()		
	2:46.13 (34.98)	3:20.99 (34.86)	3:55.55 (34.56)	4:26.54 (30.99)		
---	Nguyen Thi Ha, Linh	13	Nghe An	NT	X4:26.62	
	28.53	1:02.89 (34.36)	1:39.98 (37.09)	2:14.65 (34.67)		
		3:25.41 ()	4:26.62 (1:01.21)			

GIAI LAN VO DICH TRE QUOC GIA NAM 2024 - 12/07/2025 to 15/07/2025

Results - Ngày thi đấu thứ nhất

(Event 113 Girls 17 & Under 400 LC Meter VHCV, Vo dich tre)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
--- Nguyen T Kim, Ngan	12	Hai Phong	NT	X5:05.89	

Event 114 Girls 18 & Over 400 LC Meter VHCV

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Nguyen Tu, Anh	18	Nghe An	3:28.00	3:25.75	
24.11	50.04 (25.93)	1:16.59 (26.55)	1:43.60 (27.01)		
2:10.05 (26.45)	2:36.88 (26.83)	3:02.08 (25.20)	3:25.75 (23.67)		
2 Pham Thi, Hong Diep	21	Hung Yên	3:28.00	3:32.45	
23.86	49.45 (25.59)	1:15.97 (26.52)	1:43.13 (27.16)		
2:10.38 (27.25)	2:37.64 (27.26)	3:05.14 (27.50)	3:32.45 (27.31)		
3 Nguyen Tran San, San	18	Ha Noi	3:27.00	3:37.47	
24.03	50.98 (26.95)	1:20.27 (29.29)	1:49.23 (28.96)		
2:16.64 (27.41)	2:44.54 (27.90)	3:11.35 (26.81)	3:37.47 (26.12)		
4 Nguyen Nhat Le, Nguyen	20	Da Nang	3:31.00	3:46.11	
24.80	52.12 (27.32)	1:20.04 (27.92)	1:48.24 (28.20)		
2:17.47 (29.23)	2:47.70 (30.23)	3:16.94 (29.24)	3:46.11 (29.17)		

Event 115 Boys 17 & Under 800 LC Meter Khi tai, Vo dich tre

KLLT: 6:20.77 # 10/07/2018 Ton Danh Thanh			DNG		
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Vu Sinh, Hung	15	Da Nang	6:35.00	6:30.06	
22.72	46.17 (23.45)	1:08.68 (22.51)	1:32.01 (23.33)		
1:55.68 (23.67)	2:19.97 (24.29)	2:44.61 (24.64)	3:09.39 (24.78)		
3:34.07 (24.68)	3:58.75 (24.68)	4:23.70 (24.95)	4:49.24 (25.54)		
5:13.82 (24.58)	5:38.87 (25.05)	6:04.45 (25.58)	6:30.06 (25.61)		
2 Vo Vi, Tuong	17	TT Tdtt Quoc Phong 5	6:20.00	6:43.91	
22.76	47.22 (24.46)	1:11.61 (24.39)	1:36.73 (25.12)		
2:01.57 (24.84)	2:27.01 (25.44)	2:52.08 (25.07)	3:17.34 (25.26)		
3:42.82 (25.48)	4:08.07 (25.25)	4:32.95 (24.88)	4:59.01 (26.06)		
5:25.24 (26.23)	5:51.88 (26.64)	6:18.04 (26.16)	6:43.91 (25.87)		
3 Truong Viet, Phuc	16	TP Ho Chi Minh	6:40.00	6:51.02	
23.61	48.56 (24.95)	1:13.77 (25.21)	1:39.31 (25.54)		
2:05.25 (25.94)	2:31.28 (26.03)	2:57.27 (25.99)	3:23.72 (26.45)		
3:49.96 (26.24)	4:16.68 (26.72)	4:42.86 (26.18)	5:09.19 (26.33)		
5:35.08 (25.89)	6:01.40 (26.32)	6:26.96 (25.56)	6:51.02 (24.06)		
4 Pham Minh, Toan	15	TT Tdtt Quoc Phong 5	6:45.00	7:35.89	
23.92	49.86 (25.94)	1:17.04 (27.18)	1:44.20 (27.16)		
2:12.00 (27.80)	2:40.66 (28.66)	3:11.31 (30.65)	3:40.43 (29.12)		
4:10.04 (29.61)	4:39.80 (29.76)	5:09.79 (29.99)	5:38.49 (28.70)		
6:08.70 (30.21)	6:37.49 (28.79)	7:07.81 (30.32)	7:35.89 (28.08)		

Event 116 Boys 18 & Over 800 LC Meter Khi tai

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Tran Cong, Tu	22	TT Tdtt Quoc Phong 5	6:10.00	6:16.41	
22.37	45.52 (23.15)	1:08.35 (22.83)	1:31.37 (23.02)		
1:54.39 (23.02)	2:17.41 (23.02)	2:40.96 (23.55)	3:04.44 (23.48)		
3:29.25 (24.81)	3:53.03 (23.78)	4:17.69 (24.66)	4:41.86 (24.17)		
5:06.02 (24.16)	5:30.05 (24.03)	5:54.46 (24.41)	6:16.41 (21.95)		
2 Dang Nguyen Long, Nhat	19	Da Nang	6:18.00	6:29.68	
22.27	45.89 (23.62)	1:09.60 (23.71)	1:33.85 (24.25)		
1:58.01 (24.16)	2:22.71 (24.70)	2:47.54 (24.83)	3:12.02 (24.48)		
3:35.96 (23.94)	4:00.85 (24.89)	4:25.61 (24.76)	4:51.14 (25.53)		
5:15.54 (24.40)	5:40.15 (24.61)	6:04.60 (24.45)	6:29.68 (25.08)		

GIAI LAN VO DICH TRE QUOC GIA NAM 2024 - 12/07/2025 to 15/07/2025

Results - Ngày thi đấu thứ nhất

(Event 116 Boys 18 & Over 800 LC Meter Khi tại)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
3 Vo Van, Vuong	19	Da Nang	6:30.00	6:34.37	
21.95	45.42 (23.47)	1:09.62 (24.20)	1:34.04 (24.42)		
1:57.96 (23.92)	2:22.68 (24.72)	2:47.57 (24.89)	3:13.00 (25.43)		
3:38.06 (25.06)	4:03.27 (25.21)	4:28.14 (24.87)	4:52.67 (24.53)		
5:18.03 (25.36)	5:43.35 (25.32)	6:08.93 (25.58)	6:34.37 (25.44)		
4 Mai Xuan, Anh	20	TT Tdtt Quoc Phong 5	6:18.00	6:41.49	
23.08	47.06 (23.98)	1:11.11 (24.05)	1:35.41 (24.30)		
1:59.74 (24.33)	2:24.62 (24.88)	2:50.00 (25.38)	3:15.55 (25.55)		
3:40.91 (25.36)	4:06.61 (25.70)	4:32.37 (25.76)	4:58.70 (26.33)		
5:24.42 (25.72)	5:50.63 (26.21)	6:16.12 (25.49)	6:41.49 (25.37)		
5 Vu Hai, Nam	18	Hai Phong	6:35.00	7:22.94	
22.48	45.06 (22.58)	1:10.14 (25.08)	1:36.51 (26.37)		
2:04.42 (27.91)	2:33.08 (28.66)	3:01.85 (28.77)	3:30.30 (28.45)		
3:59.11 (28.81)	4:28.07 (28.96)	4:58.04 (29.97)	5:27.92 (29.88)		
5:58.13 (30.21)	6:28.79 (30.66)	6:57.59 (28.80)	7:22.94 (25.35)		

Event 117 Girls 17 & Under 4x50 LC Meter VHCV Vo dich tre Relay

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
1 Thanh Hoa	A	NT	1:16.15	
1) Hoang Thi Anh, Thu 17	2) Le Ngoc, Nuong 14	3) Vu Luu Bao, Ngoc 15	4) Le Thi, Nhung 16	
19.55	1:16.15 (56.60)			
2 Ha Noi	A	NT	1:17.08	
1) Tran Phuong, Minh 14	2) Phi T Tuong, Vi 15	3) Phi Phuong, Thao 14	4) Luu Ngoc Minh, Trang 15	
19.30	40.06 (20.76)	59.31 (19.25)	1:17.08 (17.77)	
3 Quang Ninh	A	NT	1:18.63	
1) Dang Thi, Tam 14	2) Trieu Thi, Uyen 15	3) Nguyen Thi Thanh, Thi 16	4) Dang Thi, Nhung 14	
20.03	1:00.13 ()	1:18.63 (18.50)		
4 TP Ho Chi Minh	A	NT	1:20.38	
1) Pham Thanh, Truc 15	2) Ha Hoang Nhu, Y 14	3) Ho Ngoc Tuong, Lam 15	4) Tran Bao, An 15	
19.42	40.41 (20.99)	59.99 (19.58)	1:20.38 (20.39)	
5 Hung Yên	A	NT	1:26.73	
1) Do Hong, Tuoi 16	2) Trinh Thi, Ngoc Ánh 16	3) Pham Thanh, Diem 13	4) Pham Thi, Ngoc Anh 13	
20.59	40.73 (20.14)	1:03.93 (23.20)	1:26.73 (22.80)	

Event 118 Boys 17 & Under 4x50 LC Meter VHCV Vo dich tre Relay

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
1 Da Nang	A	NT	1:09.85	
1) Nguyen Van, Tai 17	2) Phan Thanh, Huy 16	3) Dang Van, Huy 17	4) Vu Sinh, Hung 15	
18.47	59.46 ()	1:09.85 (10.39)		
2 Ha Noi	A	NT	1:10.84	
1) Van Tien, Huy 17	2) Le Vu Duy, Chien 14	3) Nguyen Duc, Hieu 17	4) Nguyen Tung, Lam 14	
17.19	1:10.84 (53.65)			
3 TT Tdtt Quoc Phong 5	A	NT	1:13.16	
1) Vo Vi, Tuong 17	2) Nguyen Manh, Phuc 17	3) Nguyen Minh, Chien 15	4) Pham Minh, Toan 15	
18.02	1:13.16 (55.14)			
4 Hai Phong	A	NT	1:16.38	
1) Nguyen Thanh, Toan 14	2) Mai Nguyen Huu, Loc 15	3) Nguyen Anh, Tuan 14	4) Nguyen Xuan, Quyet 14	
19.08	42.49 (23.41)	59.26 (16.77)	1:16.38 (17.12)	
--- TP Ho Chi Minh	A	NT	DQ	
Stroke infraction swimmer #3				
1) Phan Le Thien, Thong 17	2) Chau Hi, Lac 17	3) Huynh Tuan, Kiet 16	4) Huynh Quoc, Bao 17	
17.74	DQ (49.81)			